

Số: /QĐ-UBND

Ngọc Hồi, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Ngọc Hồi năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện Ngọc Hồi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Ngọc Hồi năm 2024, cụ thể như sau:

1. Số hộ thoát nghèo: 138 hộ, tương ứng tỷ lệ giảm hộ nghèo là 0,61%.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: 386 hộ, chiếm tỷ lệ 2,34% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 357 hộ nghèo dân tộc thiểu số.

- Hộ cận nghèo: 362 hộ, chiếm tỷ lệ 2,19% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 305 hộ cận nghèo dân tộc thiểu số.

(Chi tiết tại Phụ lục 1,2,3,8 - kèm theo).

3. Các chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo

- Việc làm: 172 hộ, chiếm tỷ lệ 44,56%.
- Người phụ thuộc trong hộ gia đình: 152 hộ, chiếm tỷ lệ 39,38%.
- Dinh dưỡng: 15 hộ, chiếm tỷ lệ 3,89%.
- Bảo hiểm y tế: 124 hộ, chiếm tỷ lệ 32,12%.
- Trình độ giáo dục của người lớn: 103 hộ, chiếm tỷ lệ 26,68%.
- Tình trạng đi học của trẻ em: 14 hộ, chiếm tỷ lệ 3,63%.
- Chất lượng nhà ở: 52 hộ, chiếm tỷ lệ 13,47%.
- Diện tích nhà ở bình quân đầu người: 71 hộ, chiếm tỷ lệ 18,39%.
- Nguồn nước sinh hoạt: 30 hộ, chiếm tỷ lệ 7,77%.
- Nhà tiêu hợp vệ sinh: 169 hộ, chiếm tỷ lệ 43,78%.
- Sử dụng dịch vụ viễn thông: 196 hộ, chiếm tỷ lệ 50,78%.
- Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 99 hộ, chiếm tỷ lệ 25,65%.

(Chi tiết tại Phụ lục 4, 5- kèm theo)

4. Các chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo

- Việc làm: 99 hộ, chiếm tỷ lệ 27,35%.
- Người phụ thuộc trong hộ gia đình: 76 hộ, chiếm tỷ lệ 20,99%.
- Dinh dưỡng: 02 hộ, chiếm tỷ lệ 0,55%.
- Bảo hiểm y tế: 186 hộ, chiếm tỷ lệ 51,38%.
- Trình độ giáo dục của người lớn: 59 hộ, chiếm tỷ lệ 16,3%.
- Tình trạng đi học của trẻ em: 02 hộ, chiếm tỷ lệ 0,55%.
- Chất lượng nhà ở: 28 hộ, chiếm tỷ lệ 7,73%.
- Diện tích nhà ở bình quân đầu người: 46 hộ, chiếm tỷ lệ 12,71%.
- Nguồn nước sinh hoạt: 7 hộ, chiếm tỷ lệ 1,93%.
- Nhà tiêu hợp vệ sinh: 99 hộ, chiếm tỷ lệ 27,35%.

- Sử dụng dịch vụ viễn thông: 39 hộ, chiếm tỷ lệ 10,77%.
- Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 18 hộ, chiếm tỷ lệ 4,97%.

(Chi tiết tại Phụ lục 6, 7- kèm theo)

5. Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng

a) Hộ nghèo theo các nhóm đối tượng

- Hộ nghèo dân tộc thiểu số: 357 hộ.
- Hộ nghèo không có khả năng lao động: 156 hộ.
- Hộ nghèo có đối tượng người có công với cách mạng: 02 hộ.

b) Hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng:

- Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số: 305 hộ.
- Hộ cận nghèo không có khả năng lao động: 24 hộ.
- Hộ cận nghèo có đối tượng người có công với cách mạng: 01 hộ.

(Chi tiết tại Phụ lục 8- kèm theo).

6. Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm dân tộc:*(Chi tiết tại Phụ lục 9 - kèm theo).*

7. Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm nguyên nhân nghèo

- Không có đất sản xuất: 77 hộ.
- Không có vốn sản xuất kinh doanh: 04 hộ.
- Không có lao động: 171 hộ.
- Không có công cụ/phương tiện sản xuất: 33 hộ.
- Không có kiến thức về sản xuất: 60 hộ.
- Không có kỹ năng lao động, sản xuất: 69 hộ.
- Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn: 141 hộ.
- Nguyên nhân khác (*đông nhân khẩu, già yếu, khuyết tật không có sức lao động, tách hộ, chây lười lao động*): 130 hộ.

(Chi tiết tại Phụ lục 10 - kèm theo).

8. Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo:

Tổng số trẻ em: 382 trẻ, trong đó: Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế 161 trẻ; chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng 17 trẻ; chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học 00 trẻ.

b) Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ cận nghèo:

Tổng số trẻ em: 388 trẻ, trong đó: Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế 260 trẻ; chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng 00 trẻ; chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học 09 trẻ.

(Chi tiết tại Phụ lục 11- kèm theo).

Điều 2. Kết quả hộ thoát nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo; các chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng; hộ nghèo, hộ cận nghèo theo nhóm các dân tộc; hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm nguyên nhân nghèo; chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tại **Điều 1** Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các chính sách kinh tế- xã hội khác năm 2025.

Điều 3. Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính - Kế hoạch; thủ trưởng các đơn vị, địa phương liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện⁽¹⁾ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Thường trực Huyện uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- + CVP, PCVP (phụ trách VHXX);
- + Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Tường

⁽¹⁾ Các Phòng, ban, ngành: Lao động-Thương binh và Xã hội; Tài chính-Kế hoạch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Kinh tế và Hạ tầng; Văn hoá và Thông tin; Dân tộc; Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; Hội Nông dân; Huyện đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ; Chi Cục Thống kê Khu vực Đăk Glei-Ngọc Hồi.